TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ VÕ** **TỈNH BẮC NINH** Bản án số: 26/2020/HNGĐ - ST Ngày 29/7/ 2020 V/v: Chị Nguyễn Thị H1 xin ly hôn anh Trần Quang H.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Sách; Bà Phan Thị Nhụ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Quốc Huy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tỉnh Bắc Ninh*** tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về " Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08/6/2020, theo quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST- HNGĐ ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1976 *(Chị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Bị đơn: Anh Trần Quang H, sinh năm: 1976 *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: thôn Phả Lại, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

Chị và anh Trần Quang H kết hôn ngày 07 tháng 10 năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn, vợ chồng được tự do tìm hiểu, được gia đình hai bên ủng hộ và tổ chức lễ thành hôn theo phong tục địa phương. Cưới xong vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn Phả Lại, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau bình thường, hòa thuận không có vấn đề gì lớn xảy ra. Đến đầu năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh H ham chơi cờ bạc, số đề không quan tâm vợ con và không có trách nhiệm với gia đình. Anh H không lo

làm ăn phát triển kinh tế gia đình mà bỏ mặc cho chị tự làm, tự lo. Năm 2016 chị và anh H mua 01 ô tô tải 7 tấn để anh H làm nghề lái xe tải chở cát, sỏi vật liệu xây dựng. Nhưng khi làm thu nhập được bao nhiêu tiền thì anh H giữ lại để tự tiêu mà không đưa cho chị để chi lo cho gia đình. Cuối năm 2018 anh H lấy lý do không có việc làm bảo chị bán xe đi để trả số tiền còn nợ khi mua xe ô tô cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Quế Võ, phòng giao dịch Đông Du là 150.000.000 đồng. Sau khi anh H bán xe, anh H cũng không đưa tiền cho chị và cũng không trả nợ cho Ngân hàng mà giữ lại ăn tiêu một mình hết số tiền bán xe.

Khoảng năm 2016, anh H đã tiếp xúc với nhiều thành phần tệ nạn trong xã hội và có biểu hiện dùng ma túy đá, nhưng anh H cố tình giấu gia đình và vợ con. Chị và các con đã nhiều lần chứng kiến anh H dùng ma túy và đã phải dọn dẹp vứt bỏ nhiều dụng cụ sử dụng ma túy của anh H tại gia đình. Từ đó đến nay anh H thường bỏ nhà đi chơi với bạn ngoài xã hội vài ngày mới về, khi đi anh H không cho chị và các con được biết.

Từ đó đến nay tình trạng đời sống vợ chồng căng thẳng, khi vợ chồng cãi nhau anh H thường đánh đập chị thâm tím mặt mày, đau nhức cơ thể và anh H còn chửi bới chị thậm tệ. Khi biết vợ chồng mâu thuẫn va chạm cãi nhau, cả hai bên gia đình nhà anh H và gia đình chị có hòa giải, khuyên bảo vợ chồng nhưng anh H vẫn chứng nào tật ấy, không thay đổi mà còn nghiện ngập nặng hơn. Dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, đời sống chung không có hạnh phúc. Mặc dù vợ chồng vẫn chung sống cùng nhà với nhau, nhưng chị và anh H không ai còn quan tâm đến ai nữa và đã ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Theo chị anh H còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, khi biết chuyện này chị cũng không ghen tuông, nhưng cũng mặc kệ vì xác định vợ chồng không còn tình cảm. Do vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, đã ly thân không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H càng sớm càng tốt.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Trần Thu T, sinh ngày 25/12/1998 và Trần Quang K, sinh ngày 02/12/2000. Hiện cả hai cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi, đã đi làm và có thu nhập riêng. Nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức : Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc phải đi làm ăn xa, không nghỉ được, nên Chị H1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Đối với anh H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh H để xét xử vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh quan hệ vợ chồng ở gia đình và địa phương. Trưởng thôn Phả Lại, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh

Bắc Ninh đã cung cấp: Trong quá trình chung sống, anh H và Chị H1 có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng thường cãi nhau. Khi cãi nhau anh H thường đánh đập và chửi bới Chị H1. Hai bên gia đình nhà anh H và gia đình Chị H1 có hòa giải, khuyên bảo vợ chồng nhưng không cải thiện được mâu thuẫn vợ chồng. Cuộc sống gia đình, vợ chồng luôn căng thẳng không có hạnh phúc. Mặc dù vợ chồng Chị H1 và anh H không ly thân nhưng Chị H1 thỉnh thoảng phải xuống Quảng Ninh làm việc để tránh mặt anh H. Nay xác định khả năng Chị H1 và anh H đoàn tụ được là rất khó.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tất cả đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật theo quy định tại các Điều 48, Điều 97, Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm diễn ra phiên tòa đều đúng quy định tại Điều 70, 71, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; 56; - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H1 đối với anh Trần Quang H; Về con chung do các con chung của Chị H1 và anh H đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung, công nợ, đất ruộng Chị H1 không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết. Chị H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là anh Trần Quang H nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh H để xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy anh H đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng tại Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Trần Quang H kết hôn ngày 07 tháng 10 năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Chị H1 xác định do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh H. Quá trình giải quyết vụ án anh H không hợp tác làm việc, nhưng theo Chị H1 và xác minh ở địa phương, thì xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh H ham chơi, tiếp xúc với nhiều thành

phần tệ nạn trong xã hội và có biểu hiện dùng ma túy, nhiều lần xúc phạm đánh đập Chị H1. Đây là hành vị bạo lực vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đính của hôn nhân không đạt được. Theo địa phương xác định thì khả năng Chị H1 và anh H đoàn tụ được là rất khó. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị H1 là phù hợp pháp luật và thực tế.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con là Trần Thu T, sinh ngày 25/12/1998 và Trần Quang K, sinh ngày 02/12/2000. Hiện cả hai con đã trưởng thành trên 18 tuổi, đương sự không yêu cầu gì, nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H1 không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn anh Trần Quang H.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền phải chịu 300.000 đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị H1 đã nộp 300.000 đ tạm ứng án phí tại biên lai số: 00894 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật ./.

Nơi nhận:
- *Đương sự*
- *VKSND huyện, tỉnh.*
- *TAND tỉnh Bắc Ninh*
- *THADS huyện Quế Võ.*
- *UBND xã Đức Long.*
- *Lưu hồ sơ vụ án, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Sơn